

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HSST

Ngày: 12/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM T**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa: Ông Tạ Liễu

Các Hội Thẩm Nhân Dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Yên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Hàm T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 18/2017/HSST ngày 30/5/2017 đối với các bị cáo:

1. VÕ VĂN H, sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi;

HKTT: Khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận;

Nghề Nghiệp: Làm nông;

Trình độ học vấn: 8/12; Dân Tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Võ Trung, sinh năm: 1972; Mẹ: Trần Thị Thủy, sinh năm: 1972; Cùng trú tại khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận;

Vợ: Lý S S, sinh năm: 1997, hiện trú tại Khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận

Gia đình có 03 người con, bị cáo là con út

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 13/02/2014 bị Công an thị trấn T N xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”;

+ Ngày 28/3/2014 bị Công an thị trấn T N xử phạt hành chính về hành vi “Xúc phạm danh dự nhân phẩm của người thi hành công vụ”.

+ Ngày 01/8/2014 bị Công an thị trấn T N xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại tòa.

2. **LÝ S S**, sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; Tên gọi khác: Bé

HKTT: Thôn Minh Thành, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận;

Nghề Nghiệp: Không;

Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Cha: Lý Quốc Bình, sinh năm 1963; Mẹ: Phan Thị Tiến, sinh năm: 1974; Cùng trú tại thôn Minh Thành, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

Chồng: Võ Văn H, sinh năm 1997; Trú tại: Khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận;

Bị cáo không có anh chị em

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Bà **Đặng Thị Ngọc L**, sinh năm: 1981; HKTT: khu phố 6, T N, Hàm T, Bình Thuận (*Có mặt*)

* *Người có quyền, N vụ liên quan*: Bà **Huỳnh Thị Y**, sinh năm: 1968, HKTT: Khu phố 8, T N, Hàm T, Bình Thuận (*Vắng mặt*)

“NỘI DUNG VỤ ÁN:”

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14h30 ngày 01/3/2017, Võ Văn H đang ở nhà thì phát hiện bà Đặng Thị Ngọc L là người cùng xóm đi ra khỏi nhà nên nảy sinh ý định vào nhà bà L trộm cắp tài sản. Thực hiện hành vi phạm tội, H đi từ nhà mình sang nhà bà L thì phát hiện cửa sau nhà không khóa, H theo cửa sau vào nhà. Khi vào trong, H phát hiện một xe mô tô biển số 86B5-122.28 đang dựng trong phòng ngủ bà L, chìa khóa để trên xe nhưng cửa phòng bị khóa. H tìm được chìa khóa trên bàn học con bà L và dùng chìa khóa mở cửa phòng ngủ dắt xe đi ra bằng cửa trước. Lấy được xe, H mở cốp thấy có giấy tờ trong cốp nên nảy sinh ý định đem cầm cố chiếc xe lấy tiền. Do giấy chứng minh nhân dân H đang cầm cố cho một xe khác, nên H điện thoại báo cho vợ là Lý S S và kể lại việc trộm xe của bà L và mượn chứng minh của vợ để đi cầm xe vừa trộm. Lý S S đồng ý và chạy xe máy từ Hàm Thuận Nam vào gặp H, sau khi gặp nhau, Lý S S bàn với H là lấy điện thoại của Lý S S đi cầm thế lấy tiền chuộc chứng minh của H ra. H đồng ý nên S đi cầm thế điện thoại được 600.000đ, S đưa cho H 550.000đ và H dùng số tiền này đi chuộc lại giấy chứng minh nhân dân. Có được chứng minh, H cùng S đem chiếc xe vừa trộm được của bà L đến tiệm cầm đồ Y Nhi của bà Huỳnh Thị Y

cầm thế lấy 10.000.000đ. Có được tiền, H cho mẹ ruột 1.000.000đ, chuộc lại điện thoại cho S 600.000đ, cho S 7.000.000đ, còn 1.400.000đ H tiêu xài cá nhân.

Sau khi sự việc xảy ra do lo sợ bị phát hiện nên H và S đã đến trình diện Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm T và thừa nhận toàn bộ nội dung phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của VKS đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà VKS viện dẫn trong cáo trạng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 13/3/2017 của HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Hàm T kết luận chiếc xe mô tô biển số 86B5-122.28 của bà L có giá trị là 22.820.000đ đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bà L không yêu cầu gì thêm.

Võ Văn H và Lý S S cũng trả lại 10.000.000đ cho bà Huỳnh Thị Y, bà Y hiện cũng không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 17/QĐ/KSĐT/VKS-HT ngày 25/5/2017 của VKSND huyện Hàm T đã truy tố bị cáo Võ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS, truy tố bị cáo Lý S S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 250 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo H có hành vi lén lút đột nhập vào nhà bà L trộm cắp xe mô tô trị giá 22.820.000đ. Sau khi trộm xong bị cáo đã nói cho S biết tài sản trên là do trộm cắp mà có, nhưng Lý S S vẫn đồng ý cùng với bị cáo H đem tài sản đi cầm cố, Lý S S đã có hành vi cùng với H đi cầm cố tài sản nên Lý S S đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Từ phân tích trên VKS đã kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội như quyết định truy tố, do đó VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo Lý S S phạm tội lần đầu, trong thời gian mang thai, qua đó VKS đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p Khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Võ Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 điều 250, điểm b, h, p, l khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 60 BLHS để xử phạt bị cáo Lý S S từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, qua đó, các bị cáo đều nhận tội như cáo trạng truy tố và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

“NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:”

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an huyện Hàm T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, liên quan không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy Võ Văn H và Lý S S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ngày 01/3/2017 bị cáo Võ Văn H đã lợi dụng lúc nhà bà Đặng Thị Ngọc L không người trông coi đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà lấy trộm 01 xe mô tô biển số 86B5-122.28. Theo kết luận của Hội đồng định giá thì giá trị chiếc xe bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 22.820.000đ. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Với Lý S S, sau khi H lấy trộm được tài sản đã nói rõ cho Lý S S biết. Mặc dù biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Lý S S vẫn đồng ý đi cầm thế tài sản với H sau đó lấy 7.000.000đ tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 250 BLHS.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T căn cứ vào hành vi lén lút vào nhà bà L lấy xe mô tô trị giá 22.820.000đ để truy tố bị cáo Võ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, đây là chứng cứ buộc tội đúng người, đúng tội nên HĐXX chấp nhận. Với Lý S S VKSND huyện Hàm T đưa ra căn cứ buộc tội là mặc dù bị cáo H đã nói rõ cho bị cáo biết chiếc xe mô tô có được là do H trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cùng với H đi cầm cố tài sản, đây là căn cứ buộc tội có căn cứ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên HĐXX chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Lý S S đã có hành vi tiếp tay cho Võ Văn H nên đã xâm hại đến an toàn công cộng, trật tự công cộng vì vậy HĐXX cần phải xử lý nghiêm khắc.

Về các tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều thật thà khai báo, ăn năn hối lỗi. Sau phạm tội đã tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả, đã ra trình diện sau khi phạm tội, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 điều 46 BLHS. Bị cáo S còn phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội trong thời gian mang thai do đó HĐXX cần áp dụng thêm tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm h, l khoản 1 điều 46 BLHS. Không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp.

Với bị cáo H là người có nhân thân xấu nhiều lần vi phạm hành chính do đó HĐXX cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội.

Với vật chứng vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại nên HĐXX không xem xét

Về dân sự, người liên quan đã được bị cáo bồi thường lại 10.000.000đ, hiện người bị hại và người liên quan không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về án phí, bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

***Tuyên bố:** Bị cáo Võ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

***Áp dụng:** Khoản 1 điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS.

Phạt: Võ Văn H 06 tháng tù, thời gian chấp hành tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lý S S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

*** Áp dụng:** Khoản 1 điều 250 điểm b, h, p, l khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 60 BLHS.

Phạt: Lý S S 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T N, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục

Trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Áp dụng: Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và N vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND, CA huyện Hàm T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS Hàm T;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TẠ LIỄU

